

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 77/2016/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày 24 tháng 8 năm 2016

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định một số nội dung, mức chi thực hiện xóa mù chữ và  
chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục  
trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;  
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;  
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16/12/2002;  
Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14/6/2005;  
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Giáo dục ngày 25/11/2009;  
Căn cứ Nghị định số 20/2014/NĐ-CP ngày 24/3/2014 của Chính phủ về phổ  
cập giáo dục, xóa mù chữ;  
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy  
định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm  
pháp luật;  
Căn cứ Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ Giáo dục  
và Đào tạo Quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra  
công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ;  
Căn cứ Nghị quyết số 58/2016/NQ-HĐND ngày 18/7/2016 của Hội đồng  
nhân dân tỉnh Lào Cai về các chính sách hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và  
đào tạo trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2016-2020;  
Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 135/TTr-  
SGD&ĐT ngày 08/8/2016.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh:**

Quyết định này quy định một số nội dung, mức chi thực hiện xóa mù chữ và chống tái mù chữ, duy trì kết quả phổ cập giáo dục trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

##### **2. Đối tượng áp dụng:**

- a) Học viên học lớp xóa mù chữ;
- b) Cán bộ, giáo viên trực tiếp làm công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục;
- c) Các cơ sở giáo dục, Ban chỉ đạo thực hiện phổ cập giáo dục (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã); Cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức, cá nhân liên quan đến việc

thực hiện chính sách.

## **Điều 2. Nội dung và mức chi**

1. Chi hỗ trợ hoạt động huy động ra lớp xóa mù chữ:

a) Chi bằng tiền mặt cho giáo viên đi điều tra, thống kê, huy động số người mù chữ trong độ tuổi từ 15-60 (sau đây gọi chung là học viên) đến lớp xóa mù chữ và hoàn thành chương trình xóa mù chữ: 50.000 đồng/học viên/1 chương trình (chương trình xóa mù chữ gồm 2 chương trình: Chương trình xóa mù chữ lớp 1, lớp 2, lớp 3; chương trình giáo dục tiếp tục sau biết chữ lớp 4, lớp 5. Học viên phải hoàn thành chương trình xóa mù chữ thì giáo viên được hỗ trợ);

b) Chi hỗ trợ bằng tiền mặt cho giáo viên dạy các lớp xóa mù chữ mua văn phòng phẩm (vở soạn giáo án, bút, phấn viết bảng): 50.000 đồng/lớp;

c) Chi mua hồ sơ, ấn phẩm lớp học xóa mù chữ: Học bạ 01 quyển/học viên; sổ điểm, sổ đầu bài, hồ sơ theo dõi, biểu mẫu thống kê 01 bộ/lớp.

2. Chi hỗ trợ hoạt động công tác phổ cập giáo dục:

a) Chi thấp sáng đối với lớp học phổ cập giáo dục ban đêm (theo thực tế thời gian học): 40.000 đồng/lớp/tháng;

b) Hỗ trợ hoạt động của Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục (Mầm non, Tiểu học, Trung học cơ sở) cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã:

- Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục cấp tỉnh: Tổng chi 200 triệu đồng/năm, gồm: chi cho công tác phí; xăng xe đi kiểm tra; chi tổ chức hội nghị; mua văn phòng phẩm, tài liệu, hồ sơ, biểu mẫu; sửa chữa tài sản;

- Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục cấp huyện: Tổng chi 30 triệu đồng/năm, gồm: chi cho công tác phí; xăng xe đi kiểm tra; chi tổ chức hội nghị; mua văn phòng phẩm, tài liệu, hồ sơ, biểu mẫu; sửa chữa tài sản;

- Ban chỉ đạo phổ cập giáo dục cấp xã: Tổng chi 04 triệu đồng/năm, gồm: chi tổ chức hội nghị; mua văn phòng phẩm; các chi phí cho công tác kiểm tra, đôn đốc huy động ra lớp.

c) Chi phụ cấp cho người làm công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục:

- Số lượng cán bộ chuyên trách:

+ Cấp tỉnh: 05 người (cán bộ Sở Giáo dục và Đào tạo).

+ Cấp huyện: Phòng Giáo dục và Đào tạo 03 người; các trường Mầm non, Tiểu học và THCS mỗi trường 01 người.

+ Cấp xã: 01 người/xã, phường, thị trấn.

- Mức phụ cấp:

+ Cán bộ chuyên trách thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Phòng Giáo dục và Đào tạo: Hệ số 0,2 x mức lương cơ sở/tháng.

+ Cán bộ chuyên trách các xã khu vực III, các trường nằm trên địa bàn khu vực III: Hệ số 0,25 x mức lương cơ sở/tháng.

+ Cán bộ chuyên trách các xã, phường, thị trấn, các trường trên địa bàn còn lại: hệ số 0,15 x mức lương cơ sở/tháng.

- Thời gian hưởng: 12 tháng/năm.

3. Chi trả thù lao cho giáo viên dạy lớp xóa mù, chống tái mù chữ, phổ cập:  
a) Đối với giáo viên biên chế ngành giáo dục, mức chi thù lao tính theo số giờ thực dạy vượt mức giờ chuẩn và được thanh toán trả lương làm thêm giờ theo quy định hiện hành (Thông tư liên tịch số 07/2013/TTLT-BGDĐT-BNV-BTC ngày 08/3/2013 của Liên Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ, Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương dạy thêm giờ đối với nhà giáo trong các cơ sở giáo dục công lập);

b) Đối với những người ngoài biên chế ngành giáo dục, nếu có đủ tiêu chuẩn và năng lực giảng dạy, tình nguyện tham gia dạy các lớp xóa mù chữ và phổ cập giáo dục thì thực hiện ký hợp đồng với đơn vị được giao tổ chức mở lớp, mức chi thù lao theo hợp đồng tương đương với mức lương giáo viên trong biên chế có cùng trình độ đào tạo, thâm niên công tác dạy cùng cấp học, lớp học (theo bảng lương ban hành kèm theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14/12/2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang).

### **Điều 3. Thẩm quyền quyết định phê duyệt danh sách cán bộ chuyên trách công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục**

1. Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định phê duyệt danh sách cán bộ chuyên trách công tác xóa mù chữ, phổ cập giáo dục cấp tỉnh.

2. UBND huyện, thành phố quyết định phê duyệt danh sách cán bộ chuyên trách công tác xóa mù chữ, phổ cập cấp huyện, xã.

### **Điều 4. Nguyên tắc, nguồn kinh phí thực hiện**

1. Nguyên tắc thực hiện: Đối tượng được hưởng nhiều chính sách có cùng tính chất thì chỉ được hưởng một chính sách có mức cao nhất.

2. Nguồn kinh phí thực hiện: Nguồn ngân sách tỉnh và Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

### **Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành**

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2016.

2. Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn các cơ sở giáo dục, cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện việc lập dự toán, quản lý, sử dụng, thanh quyết toán đúng đối tượng và định mức quy định tại Quyết định này và pháp luật hiện hành.

3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch và Đầu tư; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH  
CHỦ TỊCH**

(Đã ký)

**Đặng Xuân Phong**